

Số:

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG SAFE-CA

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 14/06/2005
- Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005
- Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của 02 bên

Hôm nay, ngày tháng năm 20, tại, các Bên gồm:

Bên sử dụng dịch vụ (Bên A) :

Người đại diện : Chức vụ :

Giấy ủy quyền (nếu có) :

Địa chỉ giao dịch :

Địa chỉ ghi trên hóa đơn :

Điện thoại : Fax :

Người liên hệ : Di động :

Mã số thuế : Email :

Số GPKD : Cấp ngày : / / Tại :

Bên cung cấp dịch vụ (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG SỐ AN TOÀN

Người đại diện : Ông Lý Nguyễn Minh Chức vụ : Giám đốc

Số GPKD : 0310151055 Cấp ngày : 06/07/2010 Tại : Sở kế hoạch & đầu tư Tp.HCM

Địa chỉ : X-04.77, Tòa Nhà North Towers, Sunrise City, 27 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Tổng đài hỗ trợ : 1900-6854 Mã số thuế: 0310151055 Email : info@safecert.com.vn

Sau khi thỏa thuận, các Bên thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ chữ ký số SAFE-CA với các nội dung sau

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ chữ ký số công cộng SAFE-CA của Bên B cung cấp theo các điều khoản của Hợp đồng này

Điều 2. Chi phí dịch vụ, phương thức thanh toán

2.1 Gói và phí dịch vụ được áp dụng theo quy định của pháp luật và theo "Giấy đăng ký chữ ký số SAFE-CA" của Bên A

2.2 Chi phí thanh toán

STT	Tên dịch vụ	Thời gian	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
VAT					
Tổng phí thanh toán					

2.3 Hình thức thanh toán

☐ Chuyển khoản

☐ Tại các điểm giao dịch của bên B

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- 3.1 Bên A có nghĩa vụ cung cấp thông tin và hồ sơ có liên quan đến việc cấp chứng thư số công cộng cho Bên B một cách trung thực, chính xác, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và thiệt hại xảy ra nếu vi phạm quy định này.
- 3.2 Lưu trữ và bảo mật tài khoản khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian sử dụng và thời gian hiệu lực của chứng thư số.
- 3.3 Thông báo ngay cho Bên B nếu phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật bị đánh cắp hoặc bị sử dụng trái phép để có các biện pháp xử lý.
- 3.4 Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại xảy ra nếu vi phạm quy định tại khoản 3.2 và 3.3 của Điều này.
- 3.5 Cung cấp khóa bí mật và những thông tin cần thiết theo quy định pháp luật cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan an ninh để phục vụ việc đảm bảo an ninh quốc gia hoặc điều tra tội phạm theo quy định của pháp luật. Đồng ý để Bên B công khai thông tin về chứng thư số của Bên A trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số của Bên B.
- 3.6 Khi đã cung cấp chứng thư số cho người khác với mục đích để giao dịch, Bên A được coi là đã cam kết rằng người nắm giữ hợp pháp khóa bí mật trên chứng thư số là đúng sự thật, đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ xuất phát từ chứng thư số đó.
- 3.7 Bên A có quyền yêu cầu Bên B cung cấp những thông tin sau.
 - 3.7.1 Phạm vi, giới hạn sử dụng, mức độ bảo mật, phí, lệ phí cho việc cấp và sử dụng chứng thư số, và những thông tin khác có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên A.
 - 3.7.2 Những yêu cầu để đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khóa bí mật.
 - 3.7.3 Thủ tục khiếu nại và giải quyết tranh chấp.
- 3.8 Bên A có quyền yêu cầu Bên B tạm dừng, thu hồi lại chứng thư số đã cấp và tự chịu trách nhiệm về yêu cầu đó.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- 4.1 Đảm bảo quyền sở hữu của Bên A đối với việc cung cấp dịch vụ hợp pháp, đảm bảo mục đích sử dụng theo các gói dịch vụ đã công bố trong hợp đồng này.
- 4.2 Bên B cam kết cung cấp các dịch vụ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- 4.3 Gửi tài liệu hướng dẫn và hỗ trợ cho Bên A khi gặp sự cố (bằng điện thoại, email, LiveChat, hỗ trợ trực tuyến tại website www.safecert.com.vn).
- 4.4 Hướng dẫn Bên A trước khi ký hợp đồng về mức độ an ninh của chứng thư số, những yêu cầu để đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng khóa bí mật và những thông tin khác có thể ảnh hưởng tới quyền lợi của Bên A khi sử dụng dịch vụ.
- 4.5 Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A chậm nhất là 15 ngày cho mỗi gói dịch vụ sắp hết hạn sử dụng.
- 4.6 Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính cho bên A theo quy định.

- 4.7 Có nghĩa vụ cung cấp thông tin của Bên A cho Cơ quan Nhà nước khi có yêu cầu theo đúng quy định của luật pháp.
- 4.8 Đảm bảo an toàn trong suốt quá trình tạo lập khóa và chuyển giao chứng thư số cho Bên A. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin trên chứng thư số của Bên A đúng như thông tin Bên A đã cung cấp khi đăng ký và ký hợp đồng.
- 4.9 Lưu trữ những thông tin liên quan đến Bên A một cách an toàn và chỉ được sử dụng thông tin này vào mục đích liên quan đến chứng thư số, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật cho quy định khác.
- 4.10 Đảm bảo kênh tiếp nhận thông tin yêu cầu tạm dừng chứng thư số và yêu cầu thu hồi chứng thư số hoạt động tất cả các ngày trong năm.
- 4.11 Đảm bảo lưu trữ các thông tin liên quan đến chứng thư số của Bên A trong thời gian ít nhất là 5 năm, kể từ khi chứng thư số bị thu hồi.
- 4.12 Bồi thường cho Bên A khi thiệt hại xảy ra là hậu quả của việc Bên B để lộ quá trình tạo khóa, lộ khóa bí mật của Bên A trong quá trình chuyển giao, lưu trữ khóa bí mật hoặc đưa lên chứng thư số những thông tin không chính xác so với thông tin do Bên A cung cấp.
- 4.13 Khi tạm dừng cấp chứng thư số mới, Bên B phải thông báo công khai việc tạm dừng. Trong thời gian tạm dừng cấp chứng thư số mới, Bên B có trách nhiệm duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến chứng thư số đã cấp.
- 4.14 Ngoài những điều khoản về quyền và nghĩa vụ của các Bên đã quy định tại hợp đồng này, trách nhiệm của các Bên tham gia hợp đồng còn chịu sự kiểm soát của Chính sách chứng thư và Quy chế chứng thư về sản phẩm (CP/CPS) phiên bản ban hành tại thời điểm ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ, hoặc phiên bản ban hành tại thời điểm gia hạn hợp đồng nếu dịch vụ tiếp tục được các Bên đồng ý gia hạn.

Điều 5. Tạm ngưng dịch vụ chữ ký số

- 5.1 Trong trường hợp Bên A có nhu cầu tạm ngừng sử dụng dịch vụ chữ ký số, Bên A phải thông báo bằng văn bản yêu cầu này được Bên B xác minh chính xác.
- 5.2 Khi Bên B phát hiện ra bất cứ sai sót nào có ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng chứng thư. Hoặc khi có yêu cầu từ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 5.3 Khi có căn cứ tạm dừng chứng thư số, Bên B sẽ tiến hành tạm dừng, đồng thời ngay lập tức thông báo cho Bên A và công bố trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số về việc tạm dừng, thời gian bắt đầu và kết thúc việc tạm ngừng.
- 5.4 Chứng thư số của Bên A sẽ được khôi phục lại khi các căn cứ để tạm dừng kết thúc hoặc thời hạn tạm dừng theo yêu cầu của Bên A đã hết.

Điều 6. Bảo hành bảo trì

Thiết bị lưu trữ khoá bí mật được bảo hành trong 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Trừ trường hợp: thiết bị bị vỡ, bị dính nước, cháy nổ, biến dạng, hư hỏng do các loại hóa chất, chất lỏng... và hư hại không còn giữ nguyên hiện trạng ban đầu.

Điều 7. Hoàn trả phí dịch vụ

- 7.1 Bên B được quyền áp dụng hoàn trả một phần, toàn phần hoặc không hoàn trả phí mà Bên A đã thanh toán khi đăng ký hoặc gia hạn lại dịch vụ.
- 7.2 Trường hợp liên quan đến việc hoàn trả, Bên A bắt buộc phải gửi yêu cầu bằng văn bản cho Bên B theo đúng quy định của Bên B.
- 7.3 Điều kiện hoàn trả chỉ áp dụng cho những trường hợp mà Bên B chưa cung cấp dịch vụ do thiếu hồ sơ và mức hoàn trả được áp dụng như sau:
 - 7.3.1 Trong vòng 30 ngày đầu: Hoàn trả 100% giá trị hợp đồng
 - 7.3.2 Từ ngày 31 đến ngày 60: Hoàn trả 80% giá trị hợp đồng
 - 7.3.3 Từ ngày 61 đến ngày 90: Hoàn trả 50% giá trị hợp đồng
 - 7.3.4 Từ ngày 91 trở đi: Không hoàn trả

- 7.4 Phí dịch vụ ngân hàng sẽ được Bên B áp dụng theo mức phí hiện hành của từng ngân hàng đối với thủ tục hoàn trả cho bên A.
- 7.5 Bên B xử lý yêu cầu hoàn trả trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên B tiếp nhận văn bản yêu cầu của Bên A.

Điều 8. Thời hạn và chấm dứt

- 8.1 Thời hạn: Theo thời gian "Giấy đăng ký chữ ký số SAFE-CA" mới nhất của Bên A.
- 8.2 Chấm dứt hợp đồng: Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau.
- 8.2.1 Sau 90 ngày kể từ ngày hết hạn tất cả các dịch vụ mà Bên A vẫn không thanh toán phí dịch vụ cho Bên B.
- 8.2.2 Bên A vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật.
- 8.2.3 Khi có quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu Bên B ngừng cung cấp dịch vụ.
- 8.3 Thanh lý hợp đồng: Hợp đồng sẽ tự động thanh lý khi chứng thư số của Bên A hết hạn và Bên A không yêu cầu gia hạn chứng thư số, không tiếp tục thanh toán cước phí duy trì dịch vụ theo quy định và các bên không xảy ra tranh chấp.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này trước hết phải được các Bên giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp các Bên không thể thương lượng, hòa giải được với nhau thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án, nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch chính. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng và các Bên phải có nghĩa vụ thi hành. Mọi chi phí phát sinh Bên thua kiện chịu.

Điều 10. Điều khoản chung

- 10.1 Các Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định trong hợp đồng này trên tinh thần thiện chí, hợp tác, trung thực và cùng có lợi.
- 10.2 Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này đều phải được các Bên nhất trí và lập thành bổ sung hợp đồng.
- 10.3 Hợp đồng gồm 04 trang, được lập thành 02 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên B giữ 01 bản, Bên A giữ 01 bản.

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (BÊN A)

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (BÊN B)
Giám Đốc

Lý Nguyễn Minh